

Số: 173/2005/QĐ-UB

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 9 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH
**Về phê duyệt điều lệ tổ chức và hoạt động Hội Sở
hữu trí tuệ thành phố Hồ Chí Minh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định về quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định số 88/2003/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý Hội;

Căn cứ Hồ sơ xin phê duyệt kết quả Đại hội thành lập Hội Sở hữu trí tuệ thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Sở hữu trí tuệ thành phố Hồ Chí Minh tại đơn xin phê duyệt kết quả Đại hội ngày 24 tháng 6 năm 2005 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 563 /TTr-SNV ngày 14 tháng 9 năm 2005,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay phê duyệt và ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Hội Sở hữu trí tuệ thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật, Thủ trưởng các sở - ngành có liên quan và Chủ tịch Hội Sở hữu trí tuệ thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thường trực Thành ủy;
- TTUB: CT, PCT/TT, VX;
- Ủy ban MTTQ thành phố
- Sở Nội vụ TP (2b);
- VP.HĐ-UB: PVP/VX, KT;
- Tổ VX, CNN;
- Lưu (CNN-HH) D.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH/THƯỜNG TRỰC**

Nguyễn Thiện Nhân

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động Hội Sở hữu trí tuệ thành phố Hồ Chí Minh

(Kèm theo Quyết định số: 173/2005/QĐ-UBND ngày 21 tháng 9 năm 2005 của
Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

Chương I

ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Tên Hội: “Hội Sở hữu trí tuệ Thành phố Hồ Chí Minh”

- Tên giao dịch của Hội: “Intellectual Property Association of HoChiMinh City”.

- Tên viết tắt của Hội: “IPA - HCMC”.

Điều 2. Hội Sở Hữu trí tuệ là một tổ chức xã hội - nghề nghiệp, phi lợi nhuận của các cá nhân, tổ chức có chung mục đích tập hợp nhằm đoàn kết hội viên; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của hội viên; hỗ trợ nhau hoạt động hiệu quả trong lĩnh vực sáng tạo các thành quả trí tuệ, bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ và phát triển hoạt động nghề nghiệp dịch vụ về sở hữu trí tuệ tại thành phố Hồ Chí Minh để góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hồ Chí Minh.

Hội là thành viên tự nguyện của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh và các tổ chức xã hội - nghề nghiệp có liên quan.

Hội được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản và tự trang trải, tuân thủ theo quy định của pháp luật nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và Điều lệ của Hội được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Hội chịu sự quản lý Nhà nước của cơ quan Nhà nước thuộc lĩnh vực.

Điều 3. Hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng. Trụ sở chính của Hội đặt tại thành phố Hồ Chí Minh.

Chương II

NHIỆM VỤ - QUYỀN HẠN

Điều 4. Hội có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

4.1. Tuyên truyền cho mục đích, hoạt động của Hội;

4.2. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan đến chức năng, nhiệm vụ của Hội;

4.3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Hội và hội viên;

4.4. Tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; hoà giải các tranh chấp giữa các hội viên;

4.5. Phổ biến kiến thức, cung cấp thông tin, huấn luyện kỹ năng cho hội viên thông qua việc tổ chức các hội thảo, hội nghị, các khoá tập huấn đào tạo và xuất bản các tạp chí, tập san và các ấn phẩm khác theo quy định của pháp luật;

4.6. Thực hiện các hoạt động phản biện và giám định xã hội các vấn đề thuộc phạm vi hoạt động của Hội theo đề nghị của cơ quan Nhà nước và các tổ chức, cá nhân;

4.7. Đóng góp cho việc xây dựng, hoàn thiện và thực thi pháp luật SHTT thông qua các văn bản kiến nghị, các cuộc hội thảo, toạ đàm.v.v...;

4.8. Phối hợp với các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Hội; Giao lưu, hợp tác, liên kết hoạt động với các tổ chức xã hội - nghề nghiệp khác trong nước cũng như quốc tế để trao đổi và giúp đỡ lẫn nhau về kiến thức và kinh nghiệm hoạt động.

4.9. Gây quỹ hoạt động cho hội trên cơ sở thu hội phí của hội viên và thu phí dịch vụ theo quy định của pháp luật cũng như tiếp nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tự trang trải kinh phí hoạt động.

Chương III

HỘI VIÊN

Điều 5. Hội viên của Hội bao gồm:

5.1. Hội viên chính thức gồm hội viên cá nhân và hội viên tổ chức tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện xin gia nhập và làm đơn xin gia nhập.

Hội viên cá nhân là công dân Việt Nam, không phân biệt dân tộc, đảng phái, tôn giáo; Hoạt động hoặc quan tâm đến lĩnh vực sáng tạo và sở hữu trí tuệ;

Hội viên tổ chức là các pháp nhân thành lập theo pháp luật Doanh nghiệp Việt Nam (Doanh nghiệp Nhà nước, Công ty TNHH, Công ty cổ phần, Doanh nghiệp tư nhân, ...v.v.), các văn phòng luật sư, công ty luật hợp danh, các Viện nghiên cứu, trường đại học, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp được thành lập tại Việt Nam (sau đây gọi là tổ chức Việt Nam).

5.2. Hội viên danh dự của Hội bao gồm các cơ quan quản lý Nhà nước về sở hữu trí tuệ, các chuyên gia, các nhà hoạt động trong các lĩnh vực chính trị, xã hội, khoa học và văn học nghệ thuật tán thành Điều lệ Hội, có nguyện vọng tham gia Hội và được Ban Chấp hành Hội nhất trí mời làm hội viên danh dự.

5.3. Hội viên liên kết bao gồm các tổ chức xã hội nghề nghiệp và các tổ chức kinh tế có yếu tố nước ngoài (Ví dụ: doanh nghiệp được thành lập theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam) cùng đầu tư, hỗ trợ tài chính và các điều kiện vật chất khác để thực hiện hoạt động của Hội.

Điều 6. Để trở thành hội viên chính thức công dân Việt Nam và các tổ chức Việt Nam phải hội đủ các điều kiện sau:

- Tán thành Điều lệ Hội;
- Tự nguyện xin gia nhập Hội;
- Nộp phí gia nhập và phí hội viên;
- Có đơn xin gia nhập gửi Ban Thường trực Hội và được sự chấp nhận của trên 50% thành viên Ban Thường trực Hội.

Thê thức kết nạp hội viên do Ban chấp hành Hội quy định.

Điều 7. Hội viên có các quyền:

- 7.1. Được tham gia các hoạt động của Hội;
- 7.2. Được thảo luận, biểu quyết, chất vấn và phê bình công tác của Hội, tham gia Đại hội, bầu cử và ứng cử vào cơ quan lãnh đạo của Hội (hội viên liên kết, hội viên danh dự không có quyền ứng cử và bầu cử);
- 7.3. Được hội bảo vệ quyền lợi hợp pháp của mình;
- 7.4. Được hội giúp đỡ về vật chất, tinh thần, giúp đỡ bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và nghiệp vụ trong phạm vi khả năng của Hội;
- 7.5. Giám sát hoạt động của các tổ chức, cá nhân có trách nhiệm của Hội;
- 7.6. Được quyền xin ra khỏi hội khi xét thấy không thể hoặc không muốn tiếp tục tham gia Hội. Khi xin ra khỏi Hội, hội viên phải có đơn gửi Ban Thường trực Hội;

Điều 8. Hội viên có những nghĩa vụ:

- 8.1. Tuân thủ Điều lệ Hội, nghị quyết của Đại hội, quyết định của Ban Chấp hành và Ban Thường trực Hội, tích cực tham gia thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Hội;
- 8.2. Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ do Hội giao;
- 8.3. Tham gia sinh hoạt Hội đều đặn và đóng phí gia nhập và hội phí hàng năm đầy đủ, đúng hạn; hội viên danh dự không phải đóng hội phí (trừ trường hợp hội viên tự nguyện);
- 8.4. Đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để cùng nhau thực hiện mục đích của Hội, góp phần xây dựng Hội ngày càng vững mạnh;
- 8.5. Luôn coi trọng việc giữ gìn và nâng cao uy tín của bản thân nói riêng và của Hội nói chung;
- 8.6. Tuyên truyền để phát triển hội viên mới.

Điều 9. Tư cách hội viên sẽ chấm dứt nếu xảy ra một trong các trường hợp sau:

9.1. Có đơn xin ra khỏi Hội.

9.2. Theo quyết định của Ban Thường trực với sự nhất trí quá bán của các thành viên Ban Thường trực Hội khi hội viên vi phạm một trong các nội dung sau:

a) Hoạt động trái với quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Hoạt động trái với mục đích của Hội, gây tổn hại đến uy tín của Hội;

9.3. Vi phạm điều lệ Hội, không thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của hội viên.

9.4. Cá nhân chết hoặc bị Toà án tuyên bố chết hoặc mất tích;

9.5. Tổ chức bị đình chỉ hoạt động; bị giải thể hay bị tuyên bố phá sản.

Chương IV **TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI**

Điều 10. Tổ chức Hội gồm có:

1. Đại hội toàn thể Hội viên;

2. Ban Chấp hành Hội;

3. Ban Thường trực;

4. Ban Kiểm tra Hội;

5. Văn phòng Hội, các Ban chuyên môn;

6. Các chi hội cơ sở;

7. Tổ chức trực thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Đại hội toàn thể:

11.1. Đại hội toàn thể là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội. Đại hội toàn thể được tiến hành thường lệ 5 năm một lần khi có đủ ít nhất $\frac{1}{2}$ tổng số hội viên có mặt, do Ban Chấp hành khóa trước triệu tập.

Đại hội toàn thể có thể họp bất thường theo quyết định của Ban Chấp hành hoặc theo đề nghị của hơn $\frac{1}{2}$ tổng số hội viên hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

11.2. Nội dung chính của Đại hội toàn thể:

a) Thông qua báo cáo định kỳ, Báo cáo nhiệm kỳ công tác của Ban Chấp hành Hội, quyết toán tài chính;

b) Thông qua phương hướng và chương trình công tác của Hội trong nhiệm kỳ tới;

c) Thảo luận và quyết định những vấn đề quan trọng của Hội vượt quá thẩm quyền giải quyết của Ban Chấp hành;

- d) Bầu Ban Chấp hành, Ban kiểm tra Hội;
- e) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội (nếu cần);
- f) Gia nhập Liên hiệp các Hội cùng lĩnh vực hoạt động;
- g) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hội (nếu có);
- h) Quyết định về tài chính của Hội;
- i) Quyết định về lệ phí gia nhập và hội phí của hội viên.

11.3. Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định. Việc biểu quyết thông qua các quyết định của Đại hội phải có được sự tán thành của trên $\frac{1}{2}$ (một phần hai) tổng số hội viên biểu quyết có mặt tại Đại hội. Trường hợp giải thể Hội, sửa đổi bổ sung Điều lệ đạt $\frac{2}{3}$ số hội viên có mặt biểu quyết tán thành.

Điều 12. Hội nghị hàng năm:

Hội tổ chức Hội nghị hàng năm, mỗi năm một lần, do Ban Chấp hành Hội triệu tập. Nội dung chính của Hội nghị hàng năm:

- a) Đánh giá việc thực hiện kế hoạch công tác năm, triển khai kế hoạch công tác năm tiếp theo; quyết toán tài chính năm;
- b) Thảo luận và giải quyết các công việc cần thiết liên quan đến hoạt động của Hội;
- c) Miễn nhiệm và bầu lại Ủy viên Ban Chấp hành và hoặc bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành nếu xét thấy cần thiết.

Điều 13. Ban Chấp hành và Ban Thường trực Hội:

13.1. Ban chấp hành Hội là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội giữa hai kỳ Đại hội. Ban chấp hành gồm có:

- Chủ tịch;
- (Các) Phó Chủ tịch;
- Tổng Thư ký Hội;
- Các Ủy viên.

13.2. Số lượng thành viên của Ban Chấp hành Hội do Đại hội toàn thể quy định. Ban Chấp hành do Đại hội toàn thể hội viên bầu trực tiếp. Người đắc cử phải đạt trên 50% số phiếu hợp lệ. Nhiệm kỳ hoạt động của Ban Chấp hành Hội là 05 năm.

13.3. Ban Chấp hành Hội họp thường kỳ 6 tháng một lần để sơ kết tình hình hoạt động của Hội, kiểm điểm công tác, Ban chấp hành có thể họp đột xuất khi có yêu cầu. Các quyết định của Ban chấp hành Hội được lấy biểu quyết theo đa số thành viên có mặt. Trong trường hợp số phiếu ngang nhau thì ý kiến của Chủ tịch Hội mang tính chất quyết định.

13.4. Ban Chấp hành có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

- Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội toàn thể; Xây dựng và giám sát thực hiện chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm; quyết toán tài chính hàng năm;

- Quyết định thành lập và cơ cấu tổ chức, bộ máy của Hội trên cơ sở nghị quyết của đại hội; Phân công các Ủy viên Ban chấp hành phụ trách từng nhiệm vụ cụ thể; Bầu cử và bãi miễn các chức danh lãnh đạo của Hội: Chủ tịch, (các) Phó Chủ tịch, Tổng thư ký; Đề ra quy chế kết nạp hội viên, đề xuất mức phí gia nhập và hội phí hàng năm của hội viên;

- Xây dựng Quy chế làm việc của Ban Chấp hành;

- Quyết định thành lập, giải thể các tổ chức trực thuộc, giám sát công việc của các tổ chức trực thuộc;

- Chuẩn bị nội dung và triệu tập Đại hội thường kỳ cũng như bất thường của Hội;

- Xét kết nạp, khen thưởng, khai trừ, kỷ luật hội viên;

- Quyết định bổ sung hay miễn nhiệm Ủy viên Ban Chấp hành với sự chấp thuận của ít nhất 2/3 tổng số Ủy viên Ban chấp hành. Số uỷ viên được bổ sung hay thay thế không quá 1/3 số Ủy viên do Đại hội bầu ra.

Điều 14. Ban Chấp hành có Ban Thường trực gồm Chủ tịch, Các Phó Chủ tịch và Tổng Thư ký Hội là bộ phận Thường trực giải quyết các hoạt động thường xuyên của Hội, thực hiện các ý kiến chỉ đạo của Ban Chấp hành Hội, và phải báo cáo kiểm điểm công tác trong các kỳ họp của Ban Chấp hành.

Điều 15. Ban Kiểm tra của Hội do Ban Chấp hành Hội bầu ra. Ban có một Trưởng ban và các Ủy viên. Trưởng ban là Ủy viên Ban Chấp hành của Hội.

Ban Kiểm tra có nhiệm vụ:

- Kiểm tra việc chấp hành điều lệ Hội

- Kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội, mọi hoạt động của Ban chấp hành và các tổ chức trực thuộc.

- Kiểm tra tài chính, tài sản của Hội.

- Thẩm định báo cáo tổng kết của Ban Chấp hành Ban Thường trực Hội và thẩm tra tư cách đại biểu tham dự đại hội.

- Đề xuất với Ban chấp hành về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của hội viên.

Điều 16. Chủ tịch Hội có quyền hạn và trách nhiệm:

a) Đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật giữa hai nhiệm kỳ Đại hội;

b) Tổ chức triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội và các quyết định của Ban chấp hành, chương trình công tác hàng năm;

c) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Ban chấp hành Hội và Ban Thường trực Hội;

d) Chịu trách nhiệm trước Ban chấp hành Hội và toàn thể Hội viên về các hoạt động của Hội; Chủ tịch Hội hoạt động theo Quy chế do Ban chấp hành thông qua.

(Các) Phó Chủ tịch Hội là người giúp việc cho Chủ tịch, được Chủ tịch phân công giải quyết từng vấn đề cụ thể và có thể được ủy quyền điều hành công việc của Ban chấp hành Hội khi chủ tịch vắng mặt.

Điều 17. Tổng Thư ký Hội là người điều hành trực tiếp mọi hoạt động của Văn phòng Hội; Tổng thư ký Hội có trách nhiệm:

- Xây dựng Quy chế hoạt động của Văn phòng Hội, Quy chế quản lý tài chính, tài sản của Hội trình Ban Chấp hành Hội phê duyệt;
- Định kỳ báo cáo cho Ban Chấp hành Hội về các hoạt động của Hội;
- Lập báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội;
- Quản lý danh sách, hồ sơ và tài liệu về hội viên và các tổ chức trực thuộc;
- Chịu trách nhiệm trước Ban chấp hành Hội và trước pháp luật về hoạt động của Văn phòng Hội.

Điều 18. Văn phòng Hội:

18.1. Văn phòng Hội là cơ quan giúp việc cho Ban chấp hành và Ban Thường trực Hội, được tổ chức và hoạt động theo Quy chế do Tổng Thư ký Hội trình Ban chấp hành Hội phê duyệt. Văn phòng Hội được đặt tại trụ sở của Hội;

18.2. Văn phòng Hội được điều hành bởi Tổng thư ký Hội. Các nhân viên của Văn phòng Hội được tuyển dụng làm việc theo quy định của pháp luật. Kinh phí hoạt động của Văn phòng do Ban chấp hành Hội duyệt theo đề nghị của Tổng Thư ký Hội.

Điều 19. Chi hội cơ sở:

19.1. Chi hội cơ sở hoạt động theo địa bàn quận, xã hoặc theo lĩnh vực hoạt động, được thành lập theo quyết định của Ban chấp hành Hội. Mỗi Chi hội có một Chi hội Trưởng và một Chi hội Phó. Quy chế hoạt động của Chi hội cơ sở do Ban chấp hành Hội phê duyệt.

19.2. Chi hội cơ sở có nhiệm vụ và quyền hạn:

a) Triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đại hội, Nghị quyết của Ban chấp hành Hội và các nhiệm vụ do Ban chấp hành và Ban Thường trực Hội giao đến hội viên;

b) Tập hợp các ý kiến của hội viên để báo cáo Văn phòng Hội và Ban chấp hành và Ban Thường trực Hội;

c) Tổ chức mọi hình thức sinh hoạt cho hội viên và làm cầu nối giữa hội viên, Văn phòng Hội, Ban chấp hành và Ban Thường trực Hội;

d) Thu hội phí và nộp về văn phòng Hội theo quy định của Quy chế hoạt động của Chi hội Cơ sở;

e) Báo cáo kết quả hoạt động theo định kỳ 6 tháng, một năm và đột xuất cho Văn phòng Hội;

f) Thực hiện công tác phát triển hội viên.

Điều 20. Tùy theo nhu cầu Hội được thành lập các đơn vị trực thuộc hội theo quy định của Pháp luật:

- Trung tâm thông tin, tuyên truyền và xuất bản ấn phẩm;
- Các tổ chức dịch vụ kinh doanh theo quy định của pháp luật;

Nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu, tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc Hội được thực hiện theo Quy chế do Ban chấp hành Hội quyết định và tuân thủ theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Hội giải thể trong các trường hợp sau:

a) Tự giải thể:

- Theo đề nghị của quá ½ tổng số hội viên chính thức;
- Trong trường hợp quá thời hạn 1 năm không tổ chức Đại hội theo đúng quy định của Điều lệ.

b) Do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định.

Việc giải quyết tài sản, tài chính của hội khi giải thể được thực hiện theo quy định pháp luật.

Chương V **QUẢN LÝ TÀI SẢN, TÀI CHÍNH**

Điều 22. Nguồn tài chính:

Hội có tài chính riêng và hoạt động tự chủ. Các nguồn thu của Hội bao gồm:

- Lệ phí gia nhập Hội và Hội phí hàng năm của hội viên;
- Các khoản thu từ hoạt động dịch vụ của Hội hoặc của các bộ phận, đơn vị dịch vụ của Hội;
- Các khoản hỗ trợ của Nhà nước (nếu có), đoàn thể, các khoản đóng góp tự nguyện của hội viên, các tổ chức trong nước;
- Các nguồn tài trợ của tổ chức quốc tế, các quốc gia, tổ chức và cá nhân nước ngoài.

Việc quản lý tài chính, tài sản của Hội được thực hiện theo quy định pháp luật và Điều lệ của Hội.

Điều 23. Khoản chi:

- 23.1. Trang bị cơ sở vật chất, phương tiện tại văn phòng của Hội;
- 23.2. Chi phí hành chính của văn phòng Hội;
- 23.3. Chi phí cho hoạt động của Hội;

- 23.4. Chi lương cho nhân viên văn phòng, thù lao cho cộng tác viên của Hội;
- 23.5. Chi hỗ trợ cho các chương trình trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ của Hội;
- 23.6. Chi khen thưởng cho các hội viên có thành tích xuất sắc và đóng góp nhiều cho Hội;
- 23.7. Các khoản chi khác.

Chương VI

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 24. Các tổ chức trực thuộc Hội, hội viên, tổ chức và cá nhân khác có thành tích xuất sắc trong hoạt động Hội sẽ được Hội khen thưởng. Hình thức khen thưởng do Ban chấp hành Hội quy định. Hội cũng có thể đề nghị Nhà nước và các tổ chức khác khen thưởng.

Điều 25. Các tổ chức trực thuộc Hội, hội viên, vi phạm điều lệ và các nghị quyết của BCH Hội, Hội sẽ bị kỷ luật. Hình thức kỷ luật do BCH Hội quyết định. Mức xử lý kỷ luật gồm khiển trách, cảnh cáo trước toàn thể hội viên, phạt và khai trừ khỏi Hội.

Trường hợp tổ chức và hội viên vi phạm pháp luật xâm phạm đến quyền lợi của Hội thì Ban chấp hành Hội sẽ yêu cầu cơ quan pháp luật can thiệp.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Chỉ có Đại hội toàn thể mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội với 2/3 số đại biểu tham dự tán thành và được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt mới có giá trị thi hành.

Điều 27. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt. Ban chấp hành Hội có trách nhiệm hướng dẫn thi hành Điều lệ này./-

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ